TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 48/2024/DS-ST
Ngày: 07- 5 - 2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Kiệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Văn Til.
2. Ông Nguyễn Hữu Khanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 351/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng CSXHVN**.

Địa chỉ: CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Thắng - chức vụ: Tổng Giám Ngân hàng Chính sách xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Ngọc Khải - chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thới Lai, TP Cần Thơ. Có mặt.

(Giấy ủy quyền số 168/UQ-NHCS ngày 13/12/2023)

- *Bị đơn*: Ông **Đào Thanh N**, sinh năm 1955. Có mặt

Địa chỉ: ấp ĐHA, xã Đ M, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1962. Vắng mặt

2. Ông Đào P, sinh năm 1980. Có mặt.

3. Bà Đào Thị Hồng C1, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp ĐHA, xã Đ M, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ngày 06/01/2006 ông Đào Thanh N và vợ là bà Huỳnh Thị C có ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội TP Cần Thơ hợp đồng tín dụng số XKML0419 và phụ lục hợp đồng vay số tiền 20.000.000 đồng để làm chi phí cho con là Đào Thị Hồng C1 đi xuất khẩu lao động tại Malaysia;

Ngày 17/02/2006 tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số XKML0467 và phụ lục hợp đồng vay số tiền 20.000.000 đồng để làm chi phí cho con là Đào P đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Hiện nay khoản vay này đã chuyển về Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Thới Lai quản lý. Theo hợp đồng ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 25/02/2010 nhưng đến nay ông N, bà C chưa thực hiện trả nợ cho Ngân hàng và khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã N lần phối hợp với UBND xã, hội đoàn thể của xã Đ M yêu cầu ông N, bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được số tiền của Hợp đồng tín dụng số XKML0419 là 6.000.000 đồng, trả lãi được 2.013.948 đồng; Hợp đồng tín dụng số XWML0467 là 2.000.000 đồng, trả lãi được 455.682 đồng.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Thới Lai yêu cầu ông Đào Thanh N, bà Huỳnh Thị C, ông Đào P, bà Đào Thị Hồng C1 có trách nhiệm trả số nợ của Hợp đồng tín dụng số XKML0419 bao gồm nợ gốc là 14.000.000 đồng, lãi 22.740.255 đồng, tổng cộng 36.740.255 đồng. Hợp đồng tín dụng số XWML0467 bao gồm 2 khoản vay: nợ gốc là 14.000.000 đồng, lãi 24.146.183 đồng; nợ gốc 4.000.000 đồng, lãi 6.915.451 đồng đồng, tổng cộng 49.061.634 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi của 2 hợp đồng gồm nợ gốc 32.000.000 đồng, nợ lãi 53.801.889 đồng (lãi trong hạn 2.137.389 đồng, lãi quá hạn 51.664.500 đồng), tổng cộng 85.801.889 đồng (tám mươi lăm triệu tám trăm lẻ một nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

- *Bị đơn ông Đào Thanh N trình bày:* Trước đây vào năm 2006 thông qua Công ty xuất khẩu lao động Milaco nên ông và vợ là bà Huỳnh Thị C có ký hợp đồng lao động để con ông đi xuất khẩu lao động sang Malaysia. Sau đó ông và bà C có ký Hợp đồng để vay tiền của Ngân hàng Chính sách xã hội TP Cần Thơ số tiền 20.000.000 đồng để làm chi phí cho con là Đào Thị Hồng C1 nhưng trả được 6.000.000 đồng, vay 20.000.000 đồng tiếp theo để cho con rể là Đào P xuất khẩu lao động sang Malaysia nhưng trả được 2.000.000 đồng. Nay với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông thống nhất với số tiền vốn và lãi của Ngân hàng yêu cầu nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Bà Huỳnh Thị C và Đào Thị Hồng C1 có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà C hiện tại bị bệnh đi lại khó khăn, còn bà C1 thì đi làm nên không đến Tòa được.

- *Anh Đào P trình bày*: Khi xuất khẩu lao động sang Malaysia công việc không ổn định, phải về trước thời hạn của hợp đồng. Nay hoàn cảnh gia đình cũng khó khăn, thống nhất với số nợ gốc và lãi của Ngân hàng yêu cầu nhưng không có khả năng trả nợ, xin được trả nợ gốc, đề nghị Ngân hàng không tính lãi.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đào Thanh N trả số nợ trên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký các Hợp đồng tín dụng để vay số tiền 40.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả được nợ gốc là 8.000.000 đồng, trả được một phần nợ lãi. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc còn lại là 32.000.000 đồng và nợ lãi là có cơ sở. Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN yêu cầu ông Đào Thanh N, bà Huỳnh Thị C, ông Đào P, bà Đào Thị Hồng C1 trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số XKML0419 và phụ lục hợp đồng ngày 06/01/2006; Hợp đồng tín dụng số XKML0467 và phụ lục hợp đồng ngày 17/02/2006.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, bị đơn cư trú tại xã Đ M, huyện Thới Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng các đương sự vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng những tài liệu, chứng cứ kèm theo đủ cơ sở xác định:

Ngày 06/01/2006 ông Đào Thanh N và vợ là bà Huỳnh Thị C có ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội TP Cần Thơ hợp đồng tín dụng số XKML0419 và phụ lục hợp đồng vay số tiền 20.000.000 đồng để làm chi phí cho con là Đào Thị Hồng C1 đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Đến ngày 17/02/2006 tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số XWML0467 vay số tiền 20.000.000 đồng để làm chi phí cho con là Đào P đi xuất khẩu lao động tại Malaysia.

Mục đích sử dụng tiền vay là để làm chi phí cho con đi lao động tại Malaysia, lãi suất cho vay: 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 0,845%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng 05/01/2009, vay tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ trả được cho nguyên đơn được một phần nợ gốc và lãi.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã N lần phối hợp với UBND xã, hội đoàn thể của xã Đ M yêu cầu ông N, bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện trả nợ.

Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ vay tài sản bằng hình thức tín chấp giữa ông Đào Thanh N, bà Huỳnh Thị C với Ngân hàng CSXHVN theo quy định tại Điều 344, 345 Bộ luật Dân sự. Từ khi giao kết hợp đồng đến nay, bị đơn chỉ thanh toán được một phần nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn. Sau đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đào Thanh N có nghĩa vụ trả số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số XKML0419 và phụ lục hợp đồng ngày 06/01/2006; Hợp đồng tín dụng số XWML0467 và phụ lục hợp đồng ngày 17/02/2006 cho Ngân hàng CSXHVN.

[4] Xét lời trình bày của ông Đào Thanh N, ông Đào P là không có cơ sở, bởi lẽ khi giao kết hợp đồng là sự tự nguyện của các bên, Ngân hàng Chính sách Xã hội cho vay cũng tạo điều kiện để cho bị đơn có khoản chi phí xuất khẩu lao động, tạo điều kiện có việc làm. Do đó, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người trên 60 tuổi nên không phải chịu án phí.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Các Điều 344, 345, 466 Bộ luật Dân sự 2015;
Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN.

2. Buộc ông Đào Thanh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CSXHVN số tiền tính đến ngày 07/5/2024, bao gồm: Nợ gốc 32.000.000 đồng, nợ lãi 53.801.889 đồng, tổng cộng 85.801.889 đồng (tám mươi lăm triệu tám trăm lẻ một nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số XKML0419 và phụ lục hợp đồng ngày 06/01/2006; Hợp đồng tín dụng số XWML0467 và phụ lục hợp đồng ngày 17/02/2006 đến khi trả xong nợ.

3. Về án phí DSST: Bị đơn không phải chịu án phí.

4. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục P thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tuấn Kiệt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Til **Nguyễn Hữu Khanh** **Bùi Tuấn Kiệt**